

DANH SÁCH GIÁO VIÊN NƯỚC NGOÀI
ĐÃ CÓ GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Thông báo số /ngày /12/2022 của Sở GD&ĐT)

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm ngoại ngữ Limo	1	WASIU ABIODUN ABIOYE	1992	Nam	Nigeria	Cử nhân giáo dục khoa học (chuyên ngành khoa học chính trị); Chứng chỉ TEFL	113552	30/06/2022 - 31/03/2024
	2	BUDU GLADYS	1986	Nữ	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	000107	25/12/2022 - 30/12/2024
	3	ASIEDU FAUSTINA	2000	Nữ	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	000115	25/11/2022 - 30/12/2024
	4	BAWOMEA EMMANUEL	1991	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục (chuyên ngành giảng dạy Anh văn); Chứng chỉ TEFL	007025	01/08/2022 - 01/08/2024
	5	NAMBOZO YVONNE CONSTANCE	1990	Nữ	Ugandan	Cử nhân (chuyên ngành quản lý và hành chính công); Chứng chỉ Tesol	000138	15/12/2022-17/11/2024
	6	JASPER KWAKU KEKESI	1993	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm (chuyên ngành giáo dục cơ bản); Chứng chỉ TESOL	000135	15/12/2022-27/11/2024
	7	BRIGHT GAYAO AGBEMALE	1990	Nam	Ghana	Cử nhân kinh doanh tích hợp; chứng chỉ TESOL, C2	000147	15/12/2022-14/12/2024
	8	EBENEZER KWAKU	1993	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm mỹ thuật, Chứng chỉ TEFL, C1	000003	15/12/2022-17/11/2024

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	9	MARK AMOFA FRIMPONG	1981	Nam	Ghana	Cử nhân sư phạm (chuyên ngành công nghệ xây dựng); chứng chỉ TEFL	000137	15/12/2022-17/11/2024
Trung tâm Anh ngữ English Land	10	MMBONE OLIVIA	1983	Nữ	Kenya	ĐH Sư phạm; chứng chỉ TESOL	32262	30/5/2022-30/5/2024
	11	WAMBUI PETER NJINU	1986	Nam	Kenya	Cử nhân sư phạm tiếng Anh và Văn học, chứng chỉ TEFL	32263	30/5/2022-30/5/2024
	12	MENSAH FELIX	1979	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ TESOL	32261	30/5/2022-30/5/2024
Trung tâm ngoại ngữ Fun kids	13	ADELE EMELDA CHINYERE	1993	Nữ	Nigeria	Cử nhân y khoa, chứng chỉ TESOL, Chứng chỉ bậc 5/6	007057	22/07/2022-17/12/2023
	14	USTINOV SEMION	1964	Nam	Nga	Cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Anh	000032	11/11/2022-25/10/2023
	15	ELENA GRUZILOVA	1994	Nữ	Nga	Cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành Tiếng Anh	000173	13/12/2022-09/12/2024
Trung tâm Anh ngữ quốc tế Esea	16	DAKO ERIC	1983	Nam	Ghana	Cử nhân nghệ thuật; thạc sĩ giáo dục về ngôn ngữ học; chứng chỉ TESOL	113831	5/8/2021-14/4/2023
Trung tâm ngoại ngữ Einstein Academy	17	ACUNO REDENA MELIZA	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm tiểu học, chứng chỉ TESOL, C1	07032	26/9/2022 - 31/12/2023
Trung tâm ngoại ngữ Oxford Ninh Bình	18	MENSAH FELIX	1979	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục cơ bản; chứng chỉ dạy tiếng Anh	048840	15/11/2021-15/11/2023

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
Trung tâm Anh ngữ A Plus Ninh Bình	19	ALAIN FRANCOIS NDEMASSE KANA	1984	Nam	Cameroon	Cử nhân chuyên ngành quản lý giám sát kinh doanh; chứng chỉ Tesol	113909	5/8/2021- 4/8/2023
	20	ADDAI SUNDIATA HODIAK KAMARA	1993	Nam	Ghana	Cử nhân nghệ thuật, chứng chỉ Tesol	48966	1/1/2022-15/7/2023
	21	TETTEH GODWIN	1993	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục, chuyên ngành tiếng Anh và Văn học; chứng chỉ Tesol	7060	30/06/2022 - 15/07/2023
Trung tâm ngoại ngữ Việt Mỹ	22	ONYESO CYNTHIA CHINE CHEREM	1999	Nữ	Nigeria	Cử nhân khoa học truyền thông đại chúng; Chứng chỉ Tesol;	06893	05/10/2022 - 01/10/2023
Trung tâm Ngoại ngữ Atlantic Five-Star English cơ sở Ninh Bình	23	JAIME WIGGETT	1998	Nữ	Nam Phi	Cử nhân Khoa học Xã hội, chuyên ngành: Tiếng Anh và Tâm lý học. Chứng chỉ TEFL,C1	103970	09/09/2022-20/04/2024
	24	SAMUEL JACK SHAW	1996	Nam	Vương Quốc Anh	Cử nhân Nghệ thuật, chuyên ngành Lịch sử; Chứng chỉ TEFL,C1	107675	03/10/2022-20/04/2024
	25	JENNA EMILIE BUSSE	1994	Nữ	Nam Phi	Cử nhân Truyền thông Thương hiệu sáng tạo, Chứng chỉ TEFL,C1	100209	25/05/2022-20/04/2024
Trung tâm Anh ngữ Ice	26	PETRUS STEPHANUS VAN JAARVELD	1979	Nam	Nam Phi	Cử nhân; chứng chỉ giảng dạy TEFL	049046	26/2/2022-14/2/2024
	27	MADONDO RUTENDO	1996	Nam	Nam Phi	Cử nhân chuyên ngành truyền thông doanh nghiệp; chứng chỉ dạy NN tiếng Anh cấp độ 5; chứng chỉ EF SET - C2	049028	5/5/2022-11/2/2024

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	28	HICHAM DIFALLAH	1995	Nam	Algeria	Cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh; Thạc sĩ văn học và ngôn ngữ Anh; chứng chỉ giảng dạy TESOL	006916	5/10/2022-4/10/2024
	29	BOUJANE KAOUTAR	1997	Nữ	Morocco	Cử nhân giáo dục, chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	000020	4/11/2022-3/11-2024
Trung tâm Anh ngữ quốc tế Ocean Edu Ninh Bình	30	FATIMA AREGLADO MATA	1995	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục tiểu học; TESOL, C1	113552	12/11/2022 - 11/11/2023
	31	QUEENY ANDRADE MUANA	1993	Nữ	Philippin	Cử nhân khoa học kế toán; Chứng chỉ TESOL	113584	12/11/2022-11/11/2023
	32	CRISANTA JUATON PUROG	1992	Nữ	Philippin	Cử nhân khoa học CNTT;chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	049071	10/4/2022-24/2/2024
	33	HANNAL MORENO HIPOLITO	1996	Nữ	Philippin	Cử nhân chuyên ngành GD mầm non, chứng chỉ Tesol,C1	020565	10/11/2022-30/04/2023
	34	HABLO JOSHUA MACOYCRUZ	1989	Nam	Philippin	Cử nhân giáo dục tiểu học; chứng chỉ giảng dạy TESOL	048887	5/12/2021-4/12/2023
	35	JOSE MARK FERNANDEZ ESTILLORE	1996	Nam	Philippin	Cử nhân khoa học trong kỹ thuật kế toán; Chứng chỉ TESOL,C1	113614	15/1/2022-11-10/2023
	36	JOSEPHINE CESPON ABRAU	1990	Nữ	Philippin	Cử nhân công nghệ kế toán;chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	048887	5/12/2021-4/12/2023
	37	TAGALOG GILBERT LUMINARIAS	1988	Nam	Philippin	Cử nhân điều dưỡng;chứng chỉ giảng dạy TESOL,C1	049074	10/4/2022-22/2/2024

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	38	JOCELYN GUZMAN AGUAYO	1971	Nữ	Philippin	Cử nhân quản lý giáo dục; chứng chỉ giảng dạy TESOL, C1	049069	10/4/2022-24/2/2024
	39	LLORENZ BELLO FAELNAR	1991	Nữ	Philippin	Cử nhân quản trị khách sạn và nhà hàng; chứng chỉ giảng dạy TESOL, C1	006996	02/08/2022-01/08/2024
	40	NOVY GRACE MANUEL NORIEGA	1995	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng Anh	049073	10/4/2022-24/2/2024
	41	DEME DIAPHER PAGHID CORPIN	1985	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục trung học, chuyên ngành tiếng Anh, chứng chỉ Tesol	020602	29/11/2022-30/04/2023
	42	MELANIE AMBAYEC BEREN GUEL	1994	Nữ	Philippin	Cử nhân giáo dục tiểu học;	006997	02/08/2022-01/08/2024
Trung tâm Anh ngữ Sao Kim	43	SULEIMAN SALIM CHIBOHE	1983	Nam	Kenya	Cử nhân Chuyên ngành giáo dục nghệ thuật; Chứng chỉ TEFL	007044	25/7/2022-25/7/2023
	44	LUCELYN ACAC EMBAJADOR	1979	Nữ	Philippin	Cử nhân Khoa học công nghệ (hóa học); Chứng chỉ TESOL	048979	6/1/2021-12/7/2023
	45	SAMUEL GITONGA MURUITHIA	1991	Nam	Kenya	Cử nhân sư phạm- CN Tiếng Anh và Văn học; Chứng chỉ TEFL	007046	20/07/2022-20/10/2023
	46	MICHEAL OSEI SARFO	1986	Nam	Ghana	Cử nhân Giáo dục Chuyên ngành Giáo dục Văn học Nghệ thuật; Chứng chỉ TEFL	000206	27/12/2022 - 31/12/2023
	47	FAREEDA NTIM KUSI	1990	Nữ	Ghana	Cử nhân Giáo dục Chuyên ngành Tâm lý học và nền tảng giáo dục; Chứng chỉ TEFL	000207	27/12/2022 - 31/12/2023

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	48	NICOLAS JOSEPH KYAGABA	1983	Nam	Uganda	Cử nhân Giáo dục_ Chuyên ngành Văn học Nghệ thuật Chứng chỉ TEFL	000208	27/12/2022 - 31/12/2023
	49	REGINA MUTHONI MUGO	1989	Nữ	Kenya	Cử nhân Giáo dục Chứng chỉ TESOL	000204	27/12/2022 - 31/12/2023
	50	ISAAC OSEI – OWUSU FENNING	1997	Nam	Ghana	Cử nhân Giáo dục_ Chuyên ngành Tiếng Anh. Chứng chỉ TEFL	000205	27/12/2022 - 31/12/2023
Trung tâm ngoại ngữ Apax	51	WILLEM BADENHORST	1978	Nam	Nam Phi	Cử nhân giáo dục (tại Mỹ); chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL	053301	31/10/2022-30/9/2023
	52	THEODORUS DANIEL ZIETSMAN BESTER	1975	Nam	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL	053181	2/10/2022-30/9/2023
	53	OLIVIA MMBONE	1983	Nữ	Kenya	Cử nhân (nghệ thuật trong giáo dục bằng tiếng Anh); chứng chỉ giảng dạy tiếng Anh TEFL	113772	28/9/2021-27/9/2023
	54	SIMPSON ADDO	1983	Nam	Ghana	Cử nhân (nghệ thuật văn học Anh), chứng chỉ dạy tiếng Anh TESOL	102514	29/7/2022 - 31/8/2023
Trung tâm Anh ngữ Campus Ninh Bình	55	OSEI ERIC	1990	Nam	Ghana	Cử nhân chuyên ngành tâm lý học và cơ sở giáo dục; chứng chỉ TEYL	113541	17/01/2021-15/3/2023
	56	JOSHUA TF PHOCOLE	1992	Nam	Liberia	Cao đẳng chuyên ngành Tiếng Anh, chứng chỉ TESOL	113800	01/9/2021-31/8/2023
	57	JOE EMMANUEL	1989	Nam	Liberia	Cử nhân nghệ thuật giáo dục, chứng chỉ TESOL	007049	12/07/2022 - 23/12/2023

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	58	JOSEPH KWAME WAJAH	1989	Nam	Ghana	Cử nhân giáo dục (trong nghiên cứu kinh doanh), chứng chỉ TESOL	049091	15/4/2022-23/11/2023
Trung tâm Anh ngữ Smart Learn	59	NICOLA LOUISE MORGAN	1968	Nữ	Anh	Thạc sỹ tâm lý học phát triển và thay đổi tổ chức; Chứng chỉ TEFL	000179	16/12/2022-15/12/2024
	60	BOWEN MATILDA DIXIE	2001	Nữ	Anh	Cử nhân quan hệ quốc tế; Chứng chỉ sư phạm TEFL	000148	5/12/2022-4/12/2024
	61	CHARHENIQUE JUDITH VAN SCHALKWYK	2001	Nữ	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; Chứng chỉ TEFL, Chứng chỉ C1	06915	25/09/2022-24/09/2024
	62	JOHANNES HENDRIK VANCHALKWYK	1993	Nam	Nam Phi	Cử nhân giáo dục; chứng chỉ NN bậc 5/6; chứng chỉ TEFL	'048832	25/10/2021-1/4/2023
	63	WALID BEN CHEKIKENE	1997	Nam	Algeria	Thạc sỹ khoa học và công nghệ; chứng chỉ TESOL, chứng chỉ C2.	00076	15/11/2022-15/11/2024
Trung tâm Anh ngữ quốc tế ASE	64	HABIB NA KOUZI	1990	Nam	Lebanese	Cử nhân sư phạm tiếng Anh; chứng chỉ TESOL; chứng chỉ C2.	000007	24/10/2022-24/10/2024
Trung tâm Anh ngữ quốc tế Global edu	65	LOVELYN PAMILAR MUTIA	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân khoa học quản trị kinh doanh, chứng chỉ TESOL,C1	113294	5/5/2021 -16/4/2023
	66	DAVE APURADO PONCE	1996	Nam	Philippin	Cử nhân khoa học kỹ thuật công nghiệp, chứng chỉ TESOL	113293	5/5/2021 - 16/4/2023
	67	BASTARDE ZANDRA MAE AMBROS	1998	Nữ	Philippin	Cử nhân GD trung học, chuyên ngành Tiếng Anh	113896	15/7/2021- 14/7/2023

Trung tâm ngoại ngữ	TT	Tên giáo viên	Sinh năm	Giới tính	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn/văn bằng chứng chỉ	Số giấy phép lao động	Thời gian cấp phép lao động
	68	PATRICK LOUIS LAMPERT	1954	Nam	Nam Phi	Cử nhân giáo dục, chứng chỉ TESOL,C1	048278	14/10/2021 - 16/4/2023
	69	MARY PEARL GUIRGIO	1997	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm, chứng chỉ TEFL, chứng chỉ C1	000181	27/12/2022-27/12/2024
	70	CLAUDETTE VINA FAELDIN OBORDO	1998	Nữ	Philippin	Cử nhân sư phạm trung học, chuyên ngành Tiếng Anh	000182	27/12/2022-27/12/2024

(Danh sách có 70 người)

